

Bản án số: 71/2021/DS-PT
Ngày 30 - 9 - 2021
V/v tranh chấp chia thừa kế QDS đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Anh Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Trương Thanh Dũng

Ông Lê Thanh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồng Thị Xuân, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Út Mười - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 40/2021/TLPT-DS ngày 17 tháng 5 năm 2021 về việc: “Tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 09/2021/DS-ST ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2021/QĐ-PT ngày 16 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Tạ Thị N, sinh năm 1951; địa chỉ: Số 238, ấp C, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thành B, sinh năm 1951; địa chỉ: Số 238, ấp C, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Tạ Hồng Đ, sinh năm 1973; địa chỉ: Số 61, đường P, Khóm N, Phường M, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Tạ Thị N1, sinh năm 1935; địa chỉ: Số 74, Khóm 10, Phường B, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, (có đơn xin vắng mặt).

3.2. Anh Tạ Hồng N2, sinh năm 1976; địa chỉ: Số 74, Khóm 10, Phường B, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

3.3. Anh Tạ Hồng P, sinh năm 1972; địa chỉ: Số 310, khu phố A, đường Bùi Hữu Nghĩa, phường T, thành phố H, tỉnh Đồng Nai, (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của anh Tạ Hồng N2, anh Tạ Hồng P là anh Tạ Hồng Đ, sinh năm 1973; địa chỉ: Số 61, đường P, Khóm N, Phường M, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

3.4. Chị Tạ Ngọc A, sinh năm 1969, (vắng mặt)

3.5. Chị Tạ Thị H, sinh năm 1956, (vắng mặt)

3.6. Anh Tạ Văn T, sinh năm 1965, (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 71, đường C, Khóm 10, Phường M, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

3.7. Chị Tạ Thị N3 (Tên gọi khác: Ngọc D), sinh năm 1957; địa chỉ: Số 1/11, đường Trần Phú, Khu vực 3, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ, (có đơn xin vắng mặt).

3.8. Chị Tạ Thị L, sinh năm 1962; địa chỉ: Số 19B, đường Hương lộ, Khóm 10, Phường M, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

3.9. Anh Tạ Văn N4, sinh năm 1974; địa chỉ: Số 71, Khóm 10, Phường M, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, (có đơn xin xét xử vắng mặt)

3.10. Chị Tạ Ngọc S, sinh năm 1963; nơi đăng ký HKTT: Số 71B, đường C, Khóm 10, Phường M, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu; Nơi ở hiện nay: Số 107, Tổ 4, Khu phố 2, phường C, thị xã B, tỉnh Bình Dương, (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3.11. Chị Tạ Thu H1, sinh năm 1978; nơi đăng ký HKTT: Số 74, đường C, Khóm 10, Phường M, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

3.12. Chị Ngô Ngọc M, sinh năm 1959; địa chỉ: Khóm 10, Phường M, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

3.13. Bà Sơn Thị X, sinh năm 1952, (vắng mặt)

3.14. Chị Văn Thị Mai T1, sinh năm 1971 (vắng mặt).

3.15. Anh Nguyễn Việt C, sinh năm 1969 (vắng mặt);

3.16. Chị Nguyễn Thị Mai Q, sinh năm 1997 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Số 74, Khóm 10, Phường M, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

3.17. Bà Trần Thị Đ1, sinh năm 1965, (vắng mặt).

3.18. Anh Đặng Công T2, sinh năm 1986, (vắng mặt)

3.19. Anh Đặng Công H2, sinh năm 1995, (vắng mặt)

3.20. Chị Đặng Thị Thu N5, sinh năm 1992, (vắng mặt)

3.21. Anh Nguyễn Hoài H3, sinh năm 1990, (vắng mặt)

3.22. Em Nguyễn Khả H4, sinh năm 2014, (vắng mặt)

3.23. Em Nguyễn Khả H5, sinh năm 2016, (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 145, Khóm 10, Phường M, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật của cháu H4, cháu H5 là anh Nguyễn Hoài H3 và chị Đặng Thị Thu N5, (vắng mặt).

3.24. Chị Trần Thanh D, sinh năm 1975 (vắng mặt);

3.25. Cháu Tạ Trần Khánh V, sinh năm 2006, (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 74, Khóm 10, Phường M, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật của cháu Vy: Ông Tạ Hồng N2 và bà Trần Thanh D, (vắng mặt).

3.26. Anh Thái Hòa H6, sinh năm 1971 (có đơn xin vắng mặt)

3.27. Cháu Thái Hoàng P1, sinh năm 1995 (có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Người kháng cáo: Bị đơn anh Anh Tạ Hồng Đ, sinh năm 1973

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong quá trình tố tụng thống nhất xác định:

Cụ Tạ S, chết năm 1951 và cụ Hứa Thị G, chết năm 2003 là vợ chồng, trong thời gian chung sống hai cụ có tất cả 04 người con chung, không có con riêng, sau khi chết cụ S và cụ G đều không để lại di chúc. Các người con của cụ S và cụ G gồm:

1. Ông Tạ Văn H0, sinh năm 1930, chết ngày 03/02/2007; có vợ là bà Huỳnh Thị L, chết trước ông H0 và có 07 người con gồm:

1.1. Chị Tạ Thị L, sinh năm 1962

1.2. Chị Tạ Ngọc A, sinh năm 1969

1.3. Chị Tạ Thị H, sinh năm 1956

1.4. Anh Tạ Văn T, sinh năm 1965

1.5. Anh Tạ Văn N4, sinh năm 1974

1.6. Chị Tạ Thị N3 (Ngọc D), sinh năm 1957

1.7. Chị Tạ Ngọc S, sinh năm 1963

2. Bà Tạ Thị N1, sinh năm 1935.

3. Ông Tạ Văn T, sinh năm 1942, chết năm 2013; có vợ là bà Trương Thị C và có 05 người con gồm:

3.1. Chị Tạ Thu O, sinh năm 1971 (chết năm 2003), có chồng tên Thái Hòa H6, sinh năm 1971; con tên Thái Hoàng P1, sinh năm 1995

3.2. Anh Tạ Hồng P, sinh năm 1972

3.3. Anh Tạ Hồng Đ, sinh năm 1973

3.4. Anh Tạ Hồng N2, sinh năm 1976

3.5. Chị Tạ Thu H1, sinh năm 1978

4. Bà Tạ Thị N, sinh năm 1951.

Theo nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định sinh thời cụ S và cụ G tạo lập được rất nhiều đất, năm 1951 cụ S chết, cụ G tiếp tục quản lý, sử dụng các phần đất do các cụ tạo lập trong thời gian chung sống, trong thời gian quản lý, sử dụng đất cụ G có tặng cho các con là ông H, bà N1, ông T và bà N khi lập gia đình ra ở riêng, các phần đất được tặng cho các ông bà đã kê khai đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần còn lại cụ G quản lý, sử dụng. Trong quá trình sử dụng đất, cụ G chưa kê khai đăng ký, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên phần di sản của cụ S và cụ G để lại hiện đang tranh chấp qua đo đạc thực tế diện tích 6.151,6m², theo bản đồ lập năm 1994 thuộc thửa 473, tờ bản đồ số 17 (theo bản đồ lập năm 1997 thuộc thửa 171, tờ bản đồ số 08), tọa lạc tại Khóm 10, Phường M, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu là di sản. Sau khi cụ G chết thì ông T tiếp tục quản lý, sử dụng đất, đến năm 2013 ông T chết thì anh Tạ Hồng N2 là con của ông T tiếp tục quản lý sử dụng. Nay bà N yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng phần đất là di sản của cụ S và cụ G để lại thành 04 phần bằng nhau cho 04 người con của cụ S và cụ G.

Tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần đất ngang 31.3m x dài 36.7m, diện tích 1.042m² tại vị trí có căn nhà số 74/368 anh Tạ Hồng N2 đang ở.

Theo bị đơn anh Tạ Hồng Đ, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Tạ Hồng P, anh Tạ Hồng N2 là con của ông Tạ Văn T thống nhất trình bày: Khi còn sống cụ S và cụ G tạo lập rất nhiều ruộng đất, sau khi cụ S chết, cụ G quản lý, sử dụng toàn bộ phần đất của cụ S và cụ G tạo lập. Khi còn sống cụ G đã chia tài sản cho các con của hai cụ và các con của hai cụ đã kê khai, đăng ký được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng các phần đất được cụ G chia cho. Phần còn lại cụ G và ông Tạ Văn T quản lý, sử dụng từ năm 1975, sau đó cụ G cho ông T toàn bộ phần đất còn lại của cụ G, do cụ G lớn tuổi không quản lý, sử dụng đất được. Việc cụ G cho ông T phần đất này chỉ nói miệng, không làm giấy tờ và cho thời gian nào các anh không nhớ, trong thời gian quản lý, sử dụng đất ông T chỉ đi kê khai, đăng ký phần diện tích 300m² có căn nhà hiện nay anh Tạ Hồng N2 đang ở, còn phần đất còn lại hiện bà N đang tranh chấp qua đo đạc thực tế diện tích 6.151,6m² ông T chưa kê khai đăng ký và chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay các anh xác định phần đất này từ trước năm 1975 là ông T đã canh tác, sử dụng để nuôi cụ G, nuôi gia đình và phần đất này cụ G đã cho ông T, nên không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu bà N. Trong trường hợp phải chia thừa kế theo yêu cầu của bà N, thì phải chia cho ông T phần nhiều hơn do ông T có công sức bồi đắp, gìn giữ đất.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Tạ Thị H là con của ông Tạ Văn H0 trình bày: Phần đất hiện bà N đang có yêu cầu chia thừa kế qua đo đạc thực tế diện tích 6.151,6m² thuộc thửa 473, tờ bản đồ 17 thuộc Khóm 10, Phường M, thành phố B, có nguồn gốc của cụ S và cụ G là ông bà nội chi tạo lập, các cụ chết

đều không để lại di chúc, nên phần đất này là di sản của cụ S và cụ G, nay chị cũng có yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất có diện tích 6.151,6m² theo quy định pháp luật, chị xin được nhận một phần mà cha chị là ông Tạ Văn H0 được chia. Tại phiên tòa sơ thẩm chị Tạ Thị H rút một phần yêu cầu độc lập đối với phần đất ngang 31.3m x dài 36.7m (diện tích 1.042m²), tại vị trí có căn nhà số 74/368 do anh Tạ Hồng N2 đang ở.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Tạ Thị L, chị Tạ Ngọc A, anh Tạ Văn T, anh Tạ Văn N4, chị Tạ Ngọc D, chị Tạ Ngọc S là con của ông Tạ Văn H0 thống nhất trình bày: Phần đất hiện đang tranh chấp qua đo đạc thực tế diện tích 6.151,6m² thuộc thửa 473, tờ bản đồ 17 thuộc Khóm 10, Phường M, thành phố B, có nguồn gốc là của Cụ S và cụ G tạo lập để lại, nên cũng thống nhất chia thừa kế phần đất này, phần của ông H0 được hưởng thừa kế của cụ G theo quy định pháp luật, chị L, anh T, chị S yêu cầu được nhận một phần mà ông H0 được chia, phần mà anh N4, chị D được chia thì anh chị đồng ý cho lại anh Tạ Hồng N2, phần của chị A được chia chị đồng ý cho lại anh Tạ Hồng P.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Tạ Thị N1 là con của cụ S và cụ G trình bày: Phần đất hiện đang tranh chấp qua đo đạc thực tế diện tích 6.151,6m² thuộc thửa 473, tờ bản đồ 17 thuộc Khóm 10, Phường M, thành phố B, có nguồn gốc là của cụ S và cụ G tạo lập để lại, sau khi cụ S chết thì cụ G tiếp tục quản lý sử dụng, sau khi cụ G chết thì ông T là người quản lý, sử dụng đất, sau khi ông T chết thì con ông T là anh Tạ Hồng N2 quản lý, sử dụng. Nay bà xác định nếu bà được chia thừa kế phần đất này thì bà cho lại anh Tạ Hồng N2.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và người đại diện theo pháp luật của cháu Thái Hoàng P1 là anh Thái Hòa H6 là chồng của chị Tạ Thu O (chị O là con ông T) trình bày: Chị Tạ Thu O chết năm 2004, anh và chị O có 01 con chung là cháu Thái Hoàng P1, trường hợp Tòa án phân chia di sản của cụ G chết để lại theo quy định pháp luật, phần di sản mà chị O được hưởng anh đồng ý để lại toàn bộ cho con là cháu Thái Hoàng P1.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Ngô Ngọc M trình bày: Năm 2011, ông Tạ Văn T chuyển nhượng cho vợ chồng bà (ông Trương C là chồng bà đã chết năm 2012) một phần đất chiều ngang 04m x dài 15m, với giá là 50.000.000 đồng, khi chuyển nhượng chỉ làm giấy tay, hiện nay phần đất này và và ông T chưa làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà. Sau khi nhận chuyển nhượng đất vợ chồng bà đã xây dựng nhà ở kiên cố trên phần đất. Nay bà không yêu cầu giải quyết đối với việc chuyển nhượng đất giữa và với ông T mà bà sẽ tự thỏa thuận với con ông Tạ Văn T khi cần thiết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Đ1 trình bày: Năm 2012, ông Tạ Văn T chuyển nhượng cho vợ chồng bà (ông Đặng Văn N là chồng bà đã chết năm 2018) một phần đất chiều ngang 04m x dài 23m, với giá là 62.000.000 đồng, khi chuyển

nhượng chỉ làm giấy tay, hiện nay phần đất này và ông T chưa làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà. Sau khi nhận chuyển nhượng đất vợ chồng bà đã xây dựng nhà ở kiên cố trên phần đất. Nay bà không yêu cầu giải quyết đối với việc chuyển nhượng đất giữa và với ông T mà bà sẽ tự thỏa thuận với con ông Tạ Văn T khi cần thiết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Sơn Thị X trình bày: Năm 2005, ông Tạ Văn T đã chuyển nhượng cho bà một phần đất chiều ngang 06m x dài 23m, với giá 100.000.000 đồng, khi chuyển nhượng chỉ làm giấy tay và đến nay ông T vẫn chưa làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà, trong quá trình sử dụng đất con rể của bà tên Nguyễn Viết C có đăng ký, kê khai đất đai với chính quyền địa phương. Hiện nay bà và con gái bà tên T đã xây dựng nhà ở kiên cố trên phần đất. Nay bà không yêu cầu giải quyết đối với việc chuyển nhượng đất giữa và với ông T mà bà sẽ tự thỏa thuận với con ông Tạ Văn T khi cần thiết.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2021/DS-ST ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Tạ Thị N về việc yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản do cụ Hứa Thị G chết để lại.

Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của bà Tạ Thị N về việc yêu cầu chia di sản do cụ Hứa Thị G chết để lại thành 04 phần bằng nhau.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của chị Tạ Thị H về việc yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản do cụ Hứa Thị G chết để lại.

2. Chia di sản thừa kế cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ S và cụ G:

2.1. Chia cho bà Tạ Thị N quyền sử dụng phần đất diện tích 894,5m² và các cây trồng trên đất, thuộc một phần thửa đất số 07, tờ bản đồ số 61, đất tọa lạc Khóm 10, Phường M, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, (có tuyên vị trí và tứ cận kèm theo).

2.2. Chia cho anh Tạ Hồng Đ, anh Tạ Hồng N2, anh Tạ Hồng P và chị Tạ Thu H1 là con của ông Tạ Văn T quyền sử dụng chung phần đất diện tích 1.455,7m² và các cây trồng trên đất, tại các thửa đất số 37, 38, thuộc một phần thửa đất số 07, tờ bản đồ số 61, đất tọa lạc Khóm 10, Phường M, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, gồm: Phần thứ nhất diện tích 552,4m², phần thứ hai diện tích 903,3m². Tạm giao cho anh Tạ Hồng Đ, anh Tạ Hồng N2, anh Tạ Hồng P và chị Tạ Thu H1 quyền sử dụng đất diện tích 39,40m², phần đất thuộc quy hoạch lộ giới, thuộc một phần thửa đất số 07, tờ bản đồ số 61, tọa lạc Khóm 10, Phường M, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, (có tuyên vị trí và tứ cận kèm theo).

2.3. Chia cho anh Tạ Hồng N2 quyền sử dụng đất diện tích 1.142,2m² và các cây trồng trên đất, thuộc một phần thửa đất số 07, tờ bản đồ số 61, đất tọa lạc Khóm 10, Phường M, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, (có tuyên vị trí và tứ cận kèm theo).

2.4. Chia cho ông Tạ Hồng P quyền sử dụng đất diện tích 126m² và các cây

trồng trên đất, thuộc một phần thửa đất số 07, tờ bản đồ số 61, đất tọa lạc Khóm 10, Phường M, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, (có tuyên vị trí và tứ cận kèm theo).

2.5. Chia cho anh Tạ Văn T quyền sử dụng đất diện tích 126m² và các cây trồng trên đất, thuộc một phần thửa đất số 07, tờ bản đồ số 61, đất tọa lạc Khóm 10, Phường M, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, (có tuyên vị trí và tứ cận kèm theo).

2.6. Chia cho chị Tạ Ngọc S quyền sử dụng đất diện tích 126m² và các cây trồng trên đất, thuộc một phần thửa đất số 07, tờ bản đồ số 61, đất tọa lạc Khóm 10, Phường M, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, (có tuyên vị trí và tứ cận kèm theo).

2.7. Chia cho chị Tạ Thị H quyền sử dụng đất diện tích 126m² và các cây trồng trên đất, thuộc một phần thửa đất số 07, tờ bản đồ số 61, đất tọa lạc Khóm 10, Phường M, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, (có tuyên vị trí và tứ cận kèm theo).

2.8. Chia cho chị Tạ Thị L quyền sử dụng đất diện tích 126m² và các cây trồng trên đất, thuộc một phần thửa đất số 07, tờ bản đồ số 61, đất tọa lạc Khóm 10, Phường M, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, (có tuyên vị trí và tứ cận kèm theo).

2.9. Chia cho cháu Thái Hoàng P1 quyền sử dụng đất diện tích 195,2m², thuộc một phần thửa đất số 07, tờ bản đồ số 61, đất tọa lạc Khóm 10, Phường M, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Trong đó, tạm giao phần đất diện tích 117,9m², thuộc quy hoạch lộ giới, (có tuyên vị trí và tứ cận kèm theo).

Bà Tạ Thị N, anh Tạ Hồng P, anh Tạ Hồng Đ, anh Tạ Hồng N2, chị Tạ Thu H1, cháu Thái Hoàng P1, chị Tạ Thị L, chị Tạ Thị H, anh Tạ Văn T và chị Tạ Ngọc S được quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Tạ Thị N, một phần yêu cầu độc lập của chị Tạ Thị H về việc yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất diện tích 1.042m²; tọa lạc tại Khóm 10, Phường M, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 07/4/2021, anh Tạ Hồng Đ có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của bà Tạ Thị N. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn và nội dung vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nên Kiểm sát viên không có ý kiến bổ sung thêm phần thủ tục tố tụng.

- Về nội dung: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tạ Thị N về việc chia di sản thừa kế của cụ Hứa Thị G chết để lại là quyền sử dụng

đất diện tích 5.109,6m² thuộc thửa 473, tờ bản đồ 17, tọa lạc tại: Khóm 10, Phường M, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của anh Tạ Hồng Đ, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2021/DSST ngày 23/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn là bà Tạ Thị N khởi kiện yêu cầu chia thừa kế tài sản của cụ Tạ S và cụ Hứa Thị G chết để lại là quyền sử dụng đất tọa lạc tại Khóm 10, Phường M, thành phố B, nên Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu thụ lý giải quyết theo quy định tại khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự là đúng quy định pháp luật.

[2] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm chị bà Tạ Thị N1, chị Tạ Ngọc S, anh Tạ Văn N4, chị Tạ Ngọc D, anh Thái Văn H6 và cháu Thái Hoàng P1 đều có đơn xin vắng mặt; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Tạ Thị L, chị Tạ Ngọc A, bà Văn Thị Mai T1, ông Nguyễn Viết C, chị Nguyễn Thị Mai Q, anh Đặng Công T2, anh Đặng Công H2, chị Đặng Thị Thu N5, anh Nguyễn Hoài H3, bà Trần Thanh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt không rõ lý do, và nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét thời hiệu thừa kế di sản của cụ S và cụ G, các đương sự thống nhất xác định cụ S chết năm 1951, cụ G chết năm 2003 đều không để lại di chúc, năm 2015 bà Tạ Thị N nộp đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ S và cụ G chết để lại. Theo án lệ số 26/2018/AL người để lại di sản thừa kế là bất động sản chết trước ngày công bố Pháp lệnh Thừa kế ngày 30/8/1990. Tại thời điểm Tòa án xét xử sơ thẩm, Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 đang có hiệu lực pháp luật. Trường hợp này, phải xác định thời điểm bắt đầu tính thời hiệu yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ S là ngày công bố Pháp lệnh Thừa kế ngày 30/8/1990. Thời hiệu yêu cầu chia di sản thừa kế được xác định theo quy định của Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015, thì thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản, kể từ thời điểm mở thừa kế và theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015, đối với giao dịch dân sự được xác lập trước ngày Bộ luật Dân sự này có hiệu lực, thì thời hiệu được áp dụng theo quy định của Bộ luật này. Như vậy, kể từ ngày Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành, Tòa án áp dụng quy định tại Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 để xác định thời hiệu đối với trường hợp mở thừa kế trước ngày 01/01/2017. Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 36 Pháp lệnh thừa kế ngày 30/8/1990 và Bộ luật Dân sự năm 2015, trong trường hợp này thời hiệu khởi kiện chia di sản của cụ S và cụ G cho các đồng thừa kế vẫn còn theo quy định của pháp luật.

[4] Xét di sản của cụ S và cụ G để lại, trong quá trình tố tụng nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Tạ Thị S, các con của ông Tạ Văn H0 thống nhất xác định phần đất đo đạc thực tế diện tích 6.151,6m², thuộc thửa 473, tờ bản đồ 17, tọa lạc tại Khóm 10, Phường M, thành phố B, có nguồn gốc của cụ S và cụ G tạo lập, sử dụng, các cụ chết đều không để lại di chúc, nên phần đất này là di sản của cụ S và cụ G, còn anh Tạ Hồng Đ và những người con của ông Tạ Văn T xác định phần đất tranh chấp không phải là di sản của cụ S và cụ G, vì sau năm 1975 ông T ở chung với cụ G và được cụ G cho ông T quản lý, sử dụng, khi cụ G cho ông T phần đất này chỉ nói miệng, không làm giấy tờ, sau khi cụ G chết năm 2003 các con của các cụ không phát sinh tranh chấp. Xét thấy lời khai của anh Đ và các con của ông Tạ Văn T phù hợp với lời khai của bà Tạ Thị N1, bà Tạ Thị N về nguồn gốc đất, trong thời gian sử dụng đất ông Tạ Văn T không kê khai đăng ký quyền sử dụng phần đất tranh chấp và anh Đ cũng không có tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh phần đất tranh chấp ông Tạ Văn T được cụ G tặng cho. Do đó, có căn cứ xác định phần đất diện tích 6.151,6m², thuộc thửa 473, tờ bản đồ 17, tọa lạc tại Khóm 10, Phường M, thành phố B là di sản của cụ S và cụ G chết để lại chưa chia, vị trí, số đo các cạnh cụ thể như sau:

- Cạnh hướng Đông giáp phần đất của ông Tạ Văn H0, ông Tạ Văn T có số đo 101,48m.

- Cạnh hướng Tây giáp phần đất của ông Tạ Văn T, bà Tạ Thị N1, anh Lâm Hào P1 có số đo 44,84m + 11,82m + 20,55m + 31,78m.

- Cạnh hướng Nam giáp đường Hương lộ 6 có số đo 52,49m.

- Cạnh hướng Bắc giáp phần đất ông Tạ Văn T có số đo 70,39m.

[5] Xét quá trình quản lý, sử dụng phần đất là di sản của cụ S và cụ G nhưng ông Tạ Văn T đã sang lấp làm đường đi chung và chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho nhiều người, cụ thể: Ông Tạ Văn T đã sang lấp thành một con đường đá chiều ngang 5,9m và dài 83,52m từ hương lộ 6 vào hết đất (theo hướng từ Nam – Bắc), diện tích 630,7m²; chuyển nhượng cho chị Ngô Ngọc M phần đất ngang 4,43m, dài 17,84m, chị M đã xây dựng một căn nhà loại IV, móng cột đà bê tông cốt thép, tường xây gạch 100, mái lợp tol Fibrociment, nền lát gạch bông; chuyển nhượng cho bà Sơn Thị X phần đất ngang 06m, dài 23m, bà X đã xây dựng một căn nhà loại IV, móng cột đà bê tông cốt thép, tường xây gạch 100, mái lợp tol lạnh, nền lát gạch bông; có mái che, hàng rào, sân trước nhà; và chuyển nhượng cho bà Trần Thị Đ1 phần đất ngang 4,22m, dài 25,59m, bà Đ1 đã xây dựng một căn nhà loại IV, móng cột đà bê tông cốt thép, tường xây gạch 100, mái lợp tol lạnh, nền lát gạch bông; có mái che, hàng rào, sân trước nhà.

Ngoài ra, ông T còn xây dựng các công trình kiến trúc như: Căn nhà thiếc, có kết cấu mái lợp tol thiếc, cột sắt, khung sườn sắt, nền xi măng, vách thiếc, diện tích 36,75m²; căn nhà số 74/368, loại III.1C1, kết cấu móng cột đà bê tông cốt thép, tường xây gạch 100 sơn, nền lát gạch ceramic, gác gỗ, mái lợp tol fibroxicemt; nhà sau mái lợp tol thiếc, diện tích 186,22m²; mái che gắn liền với nhà chính, kết cấu mái lợp tol thiếc, đòn tay sắt, diện tích 36,75m²; sân gắn liền với nhà chính lát đá xi măng, diện tích 855,7m²; phía sau nhà chính có hai nhà vệ

sinh, kết cấu tường xây gạch, mái lợp tol fibroxicemt, nền gạch bông, diện tích 8m²; nhà kho phía sau nhà vệ sinh, kết cấu khung cột gỗ, mái lợp tol, vách lá, nền láng xi măng, nhà đã xuống cấp hư hỏng nhiều, diện tích 20m²; dãy nhà trọ (giáp với đường hiện trạng cạnh hướng Tây, giáp với nhà bà Ngô Thị M hướng Bắc), nhà loại IV, kết cấu móng cột đà bê tông cốt thép, mái lợp tol thiếc, nền lát gạch bông, tường xây gạch, quét vôi, diện tích 193,2m²; mái hiên phía trước dãy nhà trọ, kết cấu đòn tay sắt, mái lợp tol thiếc, diện tích 3m²; và trồng một số cây ăn trái như me, vú sữa, chuối, măng cầu, thanh long, khế, dừa và một số cây như trầm, bàng, cau, xà cừ.

Xét thấy, việc làm đường đi và chuyển nhượng đất của ông T cho chị M, bà X và bà Đ1 đã xây dựng nhà ở ổn định, nay không có tranh chấp về việc chuyển nhượng đất, nên cần tiếp tục duy trì việc sử dụng đất này và khi chia di sản cần xem xét chia cho các con của ông T các phần đất đã chuyển nhượng là phù hợp.

[6] Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà Tạ Thị N và rút một phần yêu cầu độc lập của chị Tạ Thị H: Tại phiên tòa nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Tạ Thị H rút một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu độc lập đối với phần đất chiều ngang 31,30m x dài 36,70m, diện tích 1.042m², tại vị trí có căn nhà số 74/368 ông T xây dựng hiện anh N2 đang ở, theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà, đất số 749/CN-SH ngày 20/7/1991 do Sở Xây dựng tỉnh Minh Hải cấp cho ông Tạ Văn T, bà N và chị H chỉ yêu cầu chia thừa kế di sản phần đất diện tích 5.109,6m², xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là tự nguyện, phù hợp pháp luật, nên cấp sơ thẩm chỉ xem xét chia di sản phần đất diện tích 5.109,6m² là có căn cứ, phù hợp pháp luật.

* Đình chỉ xét xử đối với phần đất mà bà N và chị H rút yêu cầu khởi kiện diện tích 1.042m²; tọa lạc tại Khóm 10, Phường M, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu; qua đo đạc thực tế vị trí, số đo các cạnh cụ thể như sau:

- Cạnh hướng Đông giáp phần đất của ông Tạ Văn H0 có số đo 32,28m (0,98m + 6,25m + 14,20m + 10,85m)

- Cạnh hướng Tây giáp phần đất chia cho anh Tạ Hồng P, anh Tạ Hồng Đ, anh Tạ Hồng N2 và chị Tạ Thu H1 có số đo 36,70m (26,10m + 10,60m)

- Cạnh hướng Nam giáp lề đường hương lộ 6 có số đo 32,14m (23,44m + 8,70m)

- Cạnh hướng Bắc giáp phần đất chia cho anh Tạ Hồng P, anh Tạ Hồng Đ, anh Tạ Hồng N2 và chị Tạ Thu H1 có số đo 31,30m.

* Phần đất là di sản đang tranh chấp diện tích 5.109,6m² thuộc thửa đất số 37, 38 và một phần thửa đất số 07, tờ bản đồ số 61 lập năm 2017; một phần thửa đất số 473, tờ bản đồ số 17 lập năm 1994; thửa đất số 171, tờ bản đồ số 08 lập năm 1997; tọa lạc tại Khóm 10, Phường M, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, có số đo các cạnh cụ thể như sau:

- Cạnh hướng Đông giáp phần đất của ông Tạ Văn H0 có số đo 63,09m + giáp đất ông Tạ Văn T, có số đo 6,11m + giáp với phần đất nguyên đơn đã rút yêu

cầu có số đo 36,7m.

- Cạnh hướng Tây giáp phần đất của ông Tạ Văn T, bà Tạ Thị N1, anh Lâm Hào P1, có số đo 44,84m + 11,82m + 20,55m + 31,78m.

- Cạnh hướng Nam giáp đường Hương lộ 6 có số đo 20,35m + giáp với phần đất nguyên đơn đã rút yêu cầu có số đo 31,3m.

- Cạnh hướng Bắc giáp phần đất ông Tạ Văn T có số đo 70,39m.

[7] Xét kháng cáo của anh Tạ Hồng Đ, trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, anh Đ không đưa ra được chứng cứ để chứng minh phần đất đang tranh chấp ông Tạ Văn T được cụ G tặng cho, và trong quá trình sử dụng đất ông T chỉ kê khai, đăng ký đối với phần đất diện tích 300m², phần còn lại ông T không kê khai, đăng ký, nên phần dân diện tích 5.109,6m² vẫn còn là di sản của cụ S và cụ G để lại, cấp sơ thẩm chia thừa kế cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ S và cụ G và có xem xét đến công sức gìn giữ, tôn tạo làm tăng giá trị đất của ông Tạ Văn T là có căn cứ, phù hợp pháp luật.

Trong phần đất diện tích 5.109,6m², để lại phần đất diện tích 630,7m² làm đường đi chung (đường hiện trạng), phần đất còn lại diện tích 4.478,9m² chia cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ S, cụ G gồm: chia cho bà N phần đất diện tích 894,5m², chia cho bà N1 phần đất diện tích 894,2m², chia cho ông H0 phần diện tích 882m², và chia cho ông T phần đất diện tích là 1.808,2m² là có căn cứ, phù hợp pháp luật. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh Đ, cần giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Tại thời điểm chia thừa kế, ông Tạ Văn H0 đã chết nên các con của ông H0 là chị L, chị D, chị H, anh T, anh N4, chị A và chị S có yêu cầu phân chia cụ thể thành từng phần cho mỗi người. Như vậy, mỗi người con của ông H0 được chia phần đất diện tích 126m². Phần của chị A được nhận chị đồng ý cho lại anh Tạ Hồng P, phần anh N4, chị D được nhận anh chị tặng cho lại anh Tạ Hồng N2. Đối với những người con của ông Tạ Văn T không yêu cầu phân chia cụ thể từng phần cho mỗi người, đối với phần của chị O được hưởng, tại thời điểm chia thừa kế chị O đã chết, nên giao phần của chị O được hưởng cho con của chị O là cháu P1 nhận.

[8] Đối với phần đất hiện trạng là đường đi chung có diện tích 630,7m², phần đất này là di sản của cụ Tạ S và cụ Hứa Thị G để lại, quá trình sử dụng ông Tạ Văn T đã sử dụng làm lối đi chung, nên cấp sơ thẩm không chia phần đất này cho các thừa kế, mà công nhận là phần đất đi chung của các thừa kế được chia đất gồm: Bà Tạ Thị N, anh Tạ Hồng P, anh Tạ Hồng Đ, anh Tạ Hồng N2, chị Tạ Thu H1, chị Tạ Thị L, chị Tạ Thị H, anh Tạ Văn T, chị Tạ Ngọc S và cháu Thái Hoàng P1 là phù hợp; phần đất có vị trí, số đo các cạnh cụ thể như sau:

- Cạnh hướng Đông giáp các phần đất chia cho chị Tạ Thị L, chị Tạ Thị H, chị Tạ Ngọc S, anh Tạ Văn T, anh Tạ Hồng P, anh Tạ Hồng N2 có số đo 97,37m (6,30m + 6,30m + 6,30m + 6,30m + 6,30m + 6,30m + 6,30m + 2.60m + 50,67m).

- Cạnh hướng Tây giáp phần đất chia cho bà Tạ Thị N, Tạ Hồng P, Tạ Hồng Đ, Tạ Hồng N2 và chị Tạ Thu H1 và Thái Hoàng P1 có số đo 98,44m (36,00m +

10,22 + 12,11m + 20,55m + 19,56m).

- Cạnh hướng Nam giáp quy hoạch lộ giới hương lộ 6 có số đo 5,90m
- Cạnh hướng Bắc giáp phần đất của ông Tạ Văn T có số đo 5,90m

[9] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của anh Tạ Hồng Đ, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2021/DS-ST ngày 23/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Hội đồng xét xử xét thấy, đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

[10] Các phần Quyết định khác của Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2021/DS-ST ngày 23/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[11] Về án phí dân sự phúc thẩm, căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Tạ Hồng Đ phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của anh Tạ Hồng Đ, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2021/DS-ST ngày 23/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ khoản 5 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; khoản 1 Điều 165; khoản 1 Điều 166; điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 2 Điều 244; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 611, 612, 613, 614, 623, 649, 650 và Điều 651 Bộ luật Dân sự; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Án lệ số 26/2018/AL ngày 17/10/2018; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Tạ Thị N về việc yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ Tạ S và cụ Hứa Thị G chết để lại. Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của bà Tạ Thị N yêu cầu chia di sản của cụ Tạ S và cụ Hứa Thị G chết để lại thành 04 phần bằng nhau.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của chị Tạ Thị H về việc yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ Tạ S và cụ Hứa Thị G chết để lại.

3. Chia di sản thừa kế của cụ Tạ S và cụ Hứa Thị G chết để lại cho hàng thừa kế thứ nhất của các cụ gồm ông Tạ Văn H0, ông Tạ Văn T, bà Tạ Thị N và bà Tạ Thị S, theo từng kỹ phần cụ thể như sau:

3.1. Chia cho bà Tạ Thị N quyền sử dụng phần đất diện tích $894,5\text{m}^2$ và các cây trồng trên đất, thuộc một phần thửa đất số 07, tờ bản đồ số 61; tọa lạc tại: Khóm 10, Phường M, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Phần đất có vị trí, số đo các cạnh cụ thể như sau:

- Cạnh hướng Đông giáp đường đi hiện trạng có số đo 36m.
- Cạnh hướng Tây giáp phần đất ông Tạ Văn T có số đo 34,46m
- Cạnh hướng Nam giáp phần đất chia cho anh Tạ Hồng N2, anh Tạ Hồng Đ, anh Tạ Hồng P và chị Tạ Thu H1 có số đo 27,05m.
- Cạnh hướng Bắc giáp phần đất ông Tạ Văn T có số đo 23,80m.

3.2. Chia cho anh Tạ Hồng Đ, anh Tạ Hồng N2, anh Tạ Hồng P, chị Tạ Thu H1 quyền sử dụng chung phần đất diện tích $1.455,7\text{m}^2$ và các cây trồng trên đất, thuộc một phần thửa đất số 37, 38, một phần thửa đất số 07, tờ bản đồ số 61; tọa lạc tại: Khóm 10, Phường M, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Phần đất có vị trí, số đo các cạnh cụ thể như sau:

a) Phần 1: Thửa đất số 37, 38 và một phần thửa đất số 07, tờ bản đồ số 61, diện tích $552,4\text{m}^2$.

- Cạnh hướng Đông giáp đường đi hiện trạng có số đo 22,33m.
- Cạnh hướng Tây giáp phần đất ông Tạ Văn T, bà Tạ Thị N1 có số đo $10,38\text{m} + 11,82\text{m}$
- Cạnh hướng Nam giáp phần đất bà Tạ Thị N1, anh Tạ Văn T có số đo $5,70\text{m} + 7,55\text{m} + 15,27\text{m}$.
- Cạnh hướng Bắc giáp phần đất chia cho bà Tạ Thị N có số đo 27,05m.

b) Phần 2: Một phần thửa đất số 07, tờ bản đồ số 61, diện tích $903,3\text{m}^2$.

- Cạnh hướng Đông giáp phần đất ông Tạ Văn H0, anh Tạ Văn T và phần đất nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện có số đo $23,46\text{m} + 26,10\text{m}$.
- Cạnh hướng Tây giáp đường đi hiện trạng, có số đo 50,67m
- Cạnh hướng Nam giáp phần đất quy hoạch lộ giới (tạm giao cho anh Tạ Hồng Đ, anh Tạ Hồng N2 anh Tạ Hồng P và chị Tạ Thu H1 sử dụng) và giáp phần đất nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện có số đo $3,70\text{m} + 31,30\text{m}$.
- Cạnh hướng Bắc giáp phần đất chia cho anh Tạ Hồng N2 có số đo 54,14m.

Tạm giao cho anh Tạ Hồng Đ, anh Tạ Hồng N2, anh Tạ Hồng P, chị Tạ Thu H1 quyền sử dụng đất diện tích $39,40\text{m}^2$, phần đất thuộc quy hoạch lộ giới, thuộc một phần thửa đất số 07, tờ bản đồ số 61, tọa lạc Khóm 10, Phường M, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Phần đất có vị trí cụ thể như sau:

- Cạnh hướng Đông giáp phần đất nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện có số đo 10,60m.

- Cạnh hướng Tây giáp đường đi hiện trạng có số đo 10,63m
- Cạnh hướng Nam giáp đường Hương lộ 6 có số đo 3,70m
- Cạnh hướng Bắc giáp phần đất chia cho anh Tạ Hồng Đ, anh Tạ Hồng N2, anh Tạ Hồng P và chị Tạ Thu H1 có số đo 3,70m.

3.3. Chia cho anh Tạ Hồng N2 quyền sử dụng phần đất diện tích 1.142,2m² (894,2m² + 126m² + 126m²) và các cây trồng trên đất, thuộc một phần thửa đất số 07, tờ bản đồ số 61, tọa lạc tại: Khóm 10, Phường M, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, phần đất có vị trí, số đo các cạnh cụ thể như sau:

- Cạnh hướng Đông giáp phần đất ông Tạ Văn H0 có số đo 45,74m (19,67m + 26,07m)
- Cạnh hướng Tây giáp đường đi hiện trạng có số đo 15,20m (6,30m + 6,30m + 2,60m)
- Cạnh hướng Nam giáp phần đất giao cho anh Tạ Hồng N2, Tạ Hồng P, Tạ Hồng Đ và chị Tạ Thu H1 có số đo 54,14m (17,84m + 36,30m).
- Cạnh hướng Bắc giáp phần đất chia cho anh Tạ Hồng P có số đo 20m và giáp phần đất của ông Tạ Văn T có số đo 20,69m.

3.4. Chia cho anh Tạ Hồng P quyền sử dụng phần đất diện tích 126m² và các cây trồng trên đất, thuộc một phần thửa đất số 07, tờ bản đồ số 61, tọa lạc tại: Khóm 10, Phường M, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, phần đất có vị trí, số đo các cạnh cụ thể như sau:

- Cạnh hướng Đông giáp phần đất chia cho anh Tạ Hồng N2 có số đo 6,30m.
- Cạnh hướng Tây giáp đường đi hiện trạng có số đo 6,30m.
- Cạnh hướng Nam giáp phần đất chia cho anh Tạ Hồng N2 có số đo 20m.
- Cạnh hướng Bắc giáp phần đất chia cho anh Tạ Văn T có số đo 20m.

3.5. Chia cho anh Tạ Văn T quyền sử dụng phần đất diện tích 126m² và các cây trồng trên đất, thuộc một phần thửa đất số 07, tờ bản đồ số 61, tọa lạc tại: Khóm 10, Phường M, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, phần đất có vị trí, số đo các cạnh cụ thể như sau:

- Cạnh hướng Đông giáp phần đất chia cho anh Tạ Hồng N2 có số đo 6,30m.
- Cạnh hướng Tây giáp với đường đi hiện trạng có số đo 6,30m
- Cạnh hướng Nam giáp phần đất chia cho anh Tạ Hồng P, có số đo 20m
- Cạnh hướng Bắc giáp phần đất chia cho chị Tạ Ngọc S có số đo 20m.

3.6. Chia cho chị Tạ Ngọc S quyền sử dụng phần đất diện tích 126m² và các cây trồng trên đất, thuộc một phần thửa đất số 07, tờ bản đồ số 61, tọa lạc tại: Khóm 10, Phường M, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu, phần đất có vị trí, số đo các cạnh cụ thể như sau:

- Cạnh hướng Đông giáp phần đất chia cho anh Tạ Hồng N2 có số đo 6,30m.
- Cạnh hướng Tây giáp với đường đi hiện trạng có số đo 6,30m
- Cạnh hướng Nam giáp phần đất chia cho anh Tạ Văn T có số đo 20m
- Cạnh hướng Bắc giáp phần đất chia cho chị Tạ Thị H có số đo 20m.

3.7. Chia cho chị Tạ Thị H quyền sử dụng phần đất diện tích 126m² và các cây trồng trên đất, thuộc một phần thửa đất số 07, tờ bản đồ số 61, tọa lạc tại Khóm 10, Phường M, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Phần đất có vị trí, số đo các cạnh cụ thể như sau:

- Cạnh hướng Đông giáp phần đất chia cho anh Tạ Hồng N2 có số đo 6,30m.
- Cạnh hướng Tây giáp với đường đi hiện trạng có số đo 6,30m.
- Cạnh hướng Nam giáp phần đất chia cho chị Tạ Ngọc S có số đo 20m
- Cạnh hướng Bắc giáp phần đất chia cho chị Tạ Thị L có số đo 20m.

3.8. Chia cho chị Tạ Thị L quyền sử dụng đất diện tích 126m² và các cây trồng trên đất, thuộc một phần thửa đất số 07, tờ bản đồ số 61, tọa lạc tại: Khóm 10, Phường M, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, phần đất có vị trí, số đo các cạnh cụ thể như sau:

- Cạnh hướng Đông giáp phần đất chia cho anh Tạ Hồng N2 có số đo 6,30m.
- Cạnh hướng Tây giáp với đường đi hiện trạng có số đo 6,30m
- Cạnh hướng Nam giáp phần đất chia cho chị Tạ Thị H có số đo 20m
- Cạnh hướng Bắc giáp phần đất của ông Tạ Văn T có số đo 20m.

3.9. Chia cho cháu Thái Hoàng P1 là con của chị Tạ Thu O quyền sử dụng phần đất diện tích 195,2m², thuộc một phần thửa đất số 07, tờ bản đồ số 61, tọa lạc tại: Khóm 10, Phường M, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Phần đất có vị trí, số đo các cạnh cụ thể như sau:

- Cạnh hướng Đông giáp đường hiện trạng có số đo 19,56m
- Cạnh hướng Tây giáp phần đất ông Lâm Hào P có số đo 20,59m
- Cạnh hướng Nam giáp phần đất quy hoạch lộ giới đường Hương lộ 6 tạm giao cho anh Thái Hoàng P1 có số đo 11m.
- Cạnh hướng Bắc giáp phần đất ông Lâm Hào P có số đo 9,58m.

Tạm giao cho cháu Thái Hoàng P1 quyền sử dụng đất diện tích 117,90m², một phần thửa đất số 07, tờ bản đồ số 61, tọa lạc tại: Khóm 10, Phường M, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (phần đất thuộc quy hoạch lộ giới). Phần đất có vị trí, số đo các cạnh cụ thể như sau:

- Cạnh hướng Đông giáp đường hiện trạng có số đo 10,64m

- Cạnh hướng Tây giáp phần đất ông Lâm Hào P có số đo 11,19m
- Cạnh hướng Nam giáp đường Hương lộ 6 có số đo 10,75m
- Cạnh hướng Bắc giáp phần đất chia cho cháu Thái Hoàng P1 có số đo 11,00m.

4. Bà Tạ Thị N, anh Tạ Hồng P, anh Tạ Hồng Đ, anh Tạ Hồng N2, chị Tạ Thu H1, chị Tạ Thị L, chị Tạ Thị H, anh Tạ Văn T, chị Tạ Ngọc S và cháu Thái Hoàng P1 được quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được chia theo quy định pháp luật.

5. Công nhận phần đất lối đi hiện trạng diện tích 630,7m², thuộc một phần thửa số 07, tờ bản đồ số 61, tọa lạc tại: Khóm 10, Phường M, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu là lối đi chung của bà Tạ Thị N, anh Tạ Hồng P, anh Tạ Hồng Đ, anh Tạ Hồng N2, chị Tạ Thu H1, chị Tạ Thị L, chị Tạ Thị H, anh Tạ Văn T, chị Tạ Ngọc S và cháu Thái Hoàng P1; phần đất có vị trí, số đo các cạnh cụ thể như sau:

- Cạnh hướng Đông giáp các phần đất chia cho chị Tạ Thị L, chị Tạ Thị H, chị Tạ Ngọc S, anh Tạ Văn T, anh Tạ Hồng P, anh Tạ Hồng N2 có số đo 97,37m (6,30m + 6,30m + 6,30m + 6,30m + 6,30m + 6,30m + 6,30m + 2.60m + 50,67m)

- Cạnh hướng Tây giáp phần đất chia cho bà Tạ Thị N, Tạ Hồng P, Tạ Hồng Đ, Tạ Hồng N2, chị Tạ Thu H1 và Thái Hoàng Phúc có số đo 98,44m (36,00m + 10,22 + 12,11m + 20,55m + 19,56m)

- Cạnh hướng Nam giáp quy hoạch lộ giới hương lộ 6 có số đo 5,90m

- Cạnh hướng Bắc giáp phần đất của ông Tạ Văn T có số đo 5,90m

6. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Tạ Thị N và một phần yêu cầu độc lập của chị Tạ Thị H về việc yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất diện tích 1.042m²; tọa lạc tại Khóm 10, Phường M, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, vị trí, số đo các cạnh cụ thể như sau:

- Cạnh hướng Đông giáp phần đất của ông Tạ Văn H0 có số đo 32,28m (0,98m + 6,25m + 14,20m + 10,85m)

- Cạnh hướng Tây giáp phần đất chia cho anh Tạ Hồng P, anh Tạ Hồng Đ, anh Tạ Hồng N2 và chị Tạ Thu H1 có số đo 36,70m (26,10m + 10,60m)

- Cạnh hướng Nam giáp lề đường hương lộ 6 có số đo 32,14m (23,44m + 8,70m)

- Cạnh hướng Bắc giáp phần đất chia cho anh Tạ Hồng P, anh Tạ Hồng Đ, anh Tạ Hồng N2 và chị Tạ Thu H1 có số đo 31,30m.

Mặt bằng hiện trạng khu đất tranh chấp do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bạc Liêu theo công văn số 350/2020 ngày 12/12/2020, được kèm theo Bản án và là bộ phận không thể tách rời của Bản án.

7. Không xem xét hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Tạ Văn T đã chuyển nhượng một phần đất cho bà Trần Thị Đ, bà Sơn Thị X và chị Ngô Ngọc M.

8. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản 10.865.685 đồng, bà Tạ Thị N đã dự nộp và đã chi hết.

- Bà Tạ Thị N phải chịu số tiền 3.166.421 đồng (Ba triệu một trăm sáu mươi sáu ngàn, bốn trăm hai mươi một đồng).

- Anh Tạ Hồng N2 phải chịu số tiền 3.299.683 đồng (Ba triệu hai trăm chín mươi chín ngàn, sáu trăm tám mươi ba đồng).

- Chị Tạ Thị L, chị Tạ Thị H, anh Tạ Văn T, chị Tạ Ngọc S, anh Tạ Hồng P, mỗi người phải chịu số tiền 366.631 đồng (Ba trăm sáu mươi sáu ngàn, sáu trăm ba mươi một đồng).

- Anh Tạ Hồng Đ, anh Tạ Hồng N2, anh Tạ Hồng P, chị Tạ Thu H1 mỗi người phải chịu số tiền 513.285 đồng (Năm trăm mười ba ngàn, hai trăm tám mươi lăm đồng).

- Cháu Thái Hoàng P1 phải chịu số tiền là 513.284 đồng (Năm trăm mười ba ngàn, hai trăm tám mươi bốn đồng).

- Buộc anh Tạ Hồng N2 có trách nhiệm hoàn trả cho bà Tạ Thị N số tiền 3.299.683 đồng (Ba triệu, hai trăm chín mươi chín ngàn, sáu trăm tám mươi ba đồng); chị Tạ Thị L, chị Tạ Thị H, anh Tạ Văn T, chị Tạ Ngọc S mỗi người có trách nhiệm hoàn trả cho bà Tạ Thị N số tiền 366.631 đồng (Ba trăm sáu mươi sáu ngàn, sáu trăm ba mươi một đồng); anh Tạ Hồng Đ, anh Tạ Hồng N2, chị Tạ Thu H1 mỗi người có trách nhiệm hoàn trả cho bà Tạ Thị N số tiền 513.285 đồng (Năm trăm mười ba ngàn, hai trăm tám mươi lăm đồng); cháu Thái Hoàng P1 có trách nhiệm hoàn trả cho bà Tạ Thị N số tiền 513.284 đồng (Năm trăm mười ba ngàn hai trăm tám mươi bốn đồng); anh Tạ Hồng P có trách nhiệm hoàn trả cho bà Tạ Thị N số tiền 879.916đ (Tám trăm bảy mươi chín ngàn, chín trăm mười sáu đồng)

9. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân.

10. Về án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm:

10.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Tạ Thị N phải chịu án phí số tiền là 4.919.750đ. Bà N đã nộp tạm ứng án phí số tiền 3.066.000đ theo lai thu số 0001538 ngày 15/10/2015, tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, được chuyển thu án phí. Bà N phải nộp tiếp số tiền 1.853.750đ (Một triệu, tám trăm năm mươi ba ngàn bảy trăm năm mươi đồng).

- Anh Tạ Hồng Đ và chị Tạ Thu H1 mỗi người phải chịu án phí số tiền 2.055.762đ (Hai triệu, không trăm năm mươi lăm ngàn bảy trăm sáu mươi hai đồng).

- Anh Tạ Hồng N2 phải chịu án phí số tiền là 8.359.862đ (Tám triệu, ba trăm năm mươi chín ngàn, tám trăm sáu mươi hai đồng).

- Anh Tạ Hồng P phải chịu án phí số tiền 2.748.762đ (Hai triệu bảy trăm bốn mươi tám ngàn, bảy trăm sáu mươi hai đồng).

- Cháu Thái Hoàng P1 phải chịu án phí số tiền là 1.722.050đ (Một triệu, bảy trăm hai mươi hai ngàn, không trăm năm mươi đồng).

- Chị Tạ Thị L, anh Tạ Văn T và chị Tạ Ngọc S mỗi người chịu án phí số tiền là 693.000đ (Sáu trăm chín mươi ba ngàn đồng).

- Chị Tạ Thị H phải chịu án phí số tiền 693.000đ, chị Tạ Thị H đã nộp tạm ứng án phí số tiền 438.000đ, theo lai thu số 0007076 ngày 17/4/2017, tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, được chuyển thu án phí chị Tạ Thị H còn phải nộp tiếp số tiền 255.000đ (Hai trăm năm mươi lăm ngàn đồng).

10.2. Án phí phúc thẩm dân sự: Anh Tạ Hồng Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), anh Tạ Hồng Đ đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm số tiền 300.000đ, theo lai thu số 0006766 ngày 09/4/2021, tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, được chuyển thu án phí phúc thẩm dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND Tp. B;
- CCTHADS Tp. B
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Anh Tuấn